

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUÝ I NĂM 2022

(Kèm theo công văn số 47/STC-QĐNS ngày 24/1/2022 của Sở Tài chính Phú Thọ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ I	SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	B	1	2	3=2/1	4
A	TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	5.651.000	2.514.700	45	145
I	Thu cân đối NSNN	5.651.000	2.514.700	45	145
1	Thu nội địa	5.291.000	2.416.770	46	147
2	Thu từ dầu thô	-	-	-	-
3	Thu cân đối từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu	360.000	97.930	27	106
4	Thu viện trợ	-	-	-	-
II	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	-	-	-	-
B	TỔNG CHI NSDP	12.750.400	3.683.806	29	122
I	Chi cân đối NSDP	10.973.269	3.150.667	29	126
1	Chi đầu tư phát triển	1.143.620	960.562	84	146
2	Chi thường xuyên	9.610.660	2.190.105	23	118
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	-	-	-	-
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.200	-	-	-
5	Dự phòng ngân sách	217.789	-	-	-
III	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSDP	1.777.131	533.139	30	105
C	BỘI CHI NSDP/ BỘI THU NSDP	-	-	-	-
D	CHI TRẢ NỢ GỐC	-	-	-	-

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ I NĂM 2022
(Kèm theo công văn số 123/STC-QENS ngày 19/1/2022 của Sở Tài chính Phú Thọ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ I	SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	B	1	2	3=2/1	4
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	5.651.000	2.514.700	45	145
I	Thu nội địa	5.291.000	2.416.770	46	147
1	Thu từ khu vực DNNN	535.000	166.868	31	55
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	235.000	86.717	37	57
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	1.322.000	633.531	48	205
4	Thuế thu nhập cá nhân	395.000	205.078	52	139
5	Thuế bảo vệ môi trường	1.250.000	334.875	27	103
6	Lệ phí trước bạ	350.000	107.474	31	96
7	Các loại phí, lệ phí	135.000	41.631	31	103
8	Các khoản thu về nhà, đất	821.000	774.836	94	418
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	-	-	-	-
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	11.000	2.164	20	172
-	Thu tiền sử dụng đất	650.000	740.209	114	477
-	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	160.000	32.449	20	111
-	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước	-	14	-	-
9	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	24.000	3.898	16	140
10	Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận được chia của Nhà nước và lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước	-	-	-	-
11	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	24.000	5.854	24	100
12	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	14.000	3.414	24	47
13	Thu khác ngân sách	186.000	52.594	28	107
II	Thu từ dầu thô	-	-	-	-
III	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	360.000	97.930	27	106
IV	Thu viện trợ	-	-	-	-
B	THU NSDP ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	4.449.200	1.979.898	45	128
1	Từ các khoản thu phân chia	3.015.000	1.341.678	45	124
2	Các khoản thu NSDP được hưởng 100%	1.434.200	638.220	45	140

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUÝ I NĂM 2022
(Kèm theo công văn số 47/STC-QLNS ngày 14/4/2022 của Sở Tài chính Phú Thọ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ I	SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	B	1	2	3=2/1	4
	TỔNG CHI NSDP	12.750.400	3.683.806	29	122
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	10.973.269	3.150.667	29	126
I	Chi đầu tư phát triển	1.143.620	960.562	84	146
1	Chi đầu tư cho các dự án	-	960.562		146
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật	-	-	-	-
3	Chi đầu tư phát triển khác	-	-	-	-
II	Chi thường xuyên	9.610.660	2.190.105	23	118
	Trong đó:				
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	4.237.189	886.351	21	127
2	Chi khoa học và công nghệ	41.124	23.474	57	193
3	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	803.012	201.313	25	123
4	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	184.216	35.328	19	128
5	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình	36.215	13.341	37	153
6	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	42.176	8.721	21	139
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	-	21.258	-	82
8	Chi sự nghiệp kinh tế	1.415.381	229.599	16	129
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	1.878.501	474.620	25	90
10	Chi bảo đảm xã hội	634.216	137.679	22	160
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	-	-	-	-
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.200		-	-
V	Dự phòng ngân sách	217.789		-	-
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NSTW CHO NSDP	1.777.131	533.139	30	105
1	Chương trình mục tiêu quốc gia	-	-	-	-
2	Cho các chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư	-	-	-	-
3	Cho các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường xuyên	-	-	-	-